| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**PHƯỜNG LƯƠNG TÀI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 85 /QĐ-UBND | *Lương Tài, ngày 14 tháng 10 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang thôn Mỹ Duệ - Duyện Dương**

## CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG LƯƠNG TÀI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng và quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật ngân sách;*

*Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành; Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;*

*Căn cứ Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của UBND xã Lương Tài về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang thôn Mỹ Duệ - Duyện Dương;*

*Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 3/10/2026 của Chủ tịch UBND phường Lương Tài về việc giao Ban Quản lý dự án xây dựng Lương Tài làm chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn phường;*

*Xét Báo cáo thẩm định số 10/TBTĐ-ĐTXD ngày 12/10/2026 của Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang thôn Mỹ Duệ - Duyện Dương.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Phê duyệt dự án: Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang thôn Mỹ Duệ - Duyện Dương, với nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang thôn Mỹ Duệ - Duyện Dương.

**2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế**

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: Theo quy định hiện hành.

**3. Địa điểm xây dựng:** Phường Lương Tài, thành phố Bắc Ninh.

**4. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND phường Lương Tài.

**5. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án xây dựng Lương Tài.

**6. Nhà thầu tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật kinh tế kỹ thuật dự án:** Công ty cổ phần AIDAZ Việt Nam.

**7. Mục tiêu dự án:** Để di chuyển mồ mả của người dân địa phương, mong muốn nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân trong việc cải tạo nghĩa trang hiện hữu theo hướng văn minh, khang trang. Đồng thời nhân dân phối hợp bàn giao mặt bằng để phục vụ Dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**8. Quy mô đầu tư xây dựng**

***a) Phần hạ tầng kỹ thuật***

* San nền: San nền bằng đắp nền bằng đất tận dụng, đất mua, cát san lấp (tùy thuộc vào khả năng cung ứng vật liệu của địa phương có thể thay thế bằng vật liệu phù hợp), được tiến hành tổng thể đảm bảo thoát nước sơ bộ và tạo mặt bằng chung để tiến hành xây dựng công trình và tuân thủ Quy hoạch liên quan đã được phê duyệt; Phù hợp với hệ thống hạ tầng xung quanh.

- Trong phạm vi thực hiện dự án: Cao độ san nền thấp nhất + 2,8m cao nhất + 2,85m. Cao độ san nền thiết kế thấp hơn cao độ hoàn thiện kết cấu mặt sân, đường giao thông khoảng 20cm.
- Khu vực san lấp được phân chia thành các lô đất, san lấp theo dạng mai rùa dốc ra 4 xung quanh.
- Độ dốc san nền i $\geq$0,5%. Bước đường đồng mức 0,05m.
- Đồng mức thiết kế là đường đồng mức hoàn thiện kết cấu sân khu vực xây dựng mộ.
- Hệ số đầm nén yêu cầu K$\geq$0,85.
- Tường kè chắn đất, kè bờ ao:

+ Kè chắn đất: Khu vực thực hiện dự án đi qua ao nước xây dựng 01 tuyến tường chắn đất kết cấu BTCT M250 đặt trên lớp bê tông móng lót M100 đá 2x4; Toàn bộ đáy móng kè được gia cố bằng cọc tre D6-D8 chiều dài

1,5m/cọc mật độ 16 cọc/$m^2$. Các vị trí tiếp giáp khu mộ hiện trạng giữ lại xây dựng tường chắn xây gạch để chuyển tiếp cao độ phần xây dựng mới với khu mộ hiện trạng.

+ Tường kè bờ ao: Khu vực phía Bắc tại vị trí ranh giới cắt qua hồ nước hiện trạng có độ sâu trung bình 2,8m. Tiến hành đắp bờ bao bề rộng bờ bao 3,0m; bờ bao đắp taluy hệ số mái m=1:1,5. Toàn bộ bờ bao đắp bằng đất đầm chặt K85.

* Đường giao thông, mặt cắt ngang đường:

- Tuyến N1, D3: Mặt cắt ngang đường Bm=5m.
- Tuyến D4, N2, N3, N4: Mặt cắt ngang đường Bm=3,5m.

* Kết cấu đường:

- Lớp kết cấu áo đường BTXM mác 250 dày 20cm đá 2x4.
- Lớp Lót nilon chống mất nước.
- Lớp nền đường đầm chặt K95.
- Cứ 4m chiều dài đường bố trí 01 khe lún, 16m chiều dài đường bố trí 01 khe dãn.
- Ngăn cách giữa đường giao thông với các khu mộ, cây xanh là hệ thống bó vỉa xây gạch đặc XM mác 100 vữa XM-C mác 75, trát vữa XM-C mác 75 dày 15, sơn 3 nước 1 nước lót 2 nước mầu, lót móng BT đá 2x4 mác 150 dày 100.

* Thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa khu vực nghiên cứu được tính toán thiết kế là mạng thoát nước chung. Nước mưa được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước B400, B600 rồi thoát về hệ thống cống hộp khẩu độ 2x(BxH)=2x(1x1)m hoàn trả mương hiện trạng phía Bắc ranh giới lập dự án.

+ Phía Bắc dự án bổ sung cửa xả nước D600 kèm để đảm bảo việc thoát nước cho khu vực dân cư hiện trạng khi thoát nước qua tường.

+ Hoàn trả hệ thống mương hiện trạng cắt qua ranh giới phía Bắc dự án bằng hệ thống cống hộp khẩu độ 2x(BxH)=2x(1x1)m.

+ Trên hệ thống thoát nước có bố trí các công trình kỹ thuật như: giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra,... theo quy định hiện hành. Cống được nối theo phương pháp nối đỉnh.

- Cấu tạo điển hình:

+ Rãnh xây B400, B600: Móng BTXM M150 đá 2x4; Thân rãnh xây gạch M100 VXM M75 bên trong trát VXM M75, đáy rãnh láng vữa VXM M75; Nắp rãnh sử dụng tấm đan BTCT M250 đá 1x2.

+ Ga rãnh B400, B600 loại A: Móng BTXM M150 đá 2x4; Thân ga xây gạch M100 VXM M75 bên trong trát VXM M75, đáy rãnh láng vữa VXM M75; Nắp rãnh sử dụng tấm đan BTCT M250 đá 1x2. Tấm thu nước sử dụng song chắn rác kích thước 960x530x70 bằng composite tải trọng 125KN.

+ Ga rãnh B600 loại B: Móng BTXM M150 đá 2x4; Thân ga xây gạch M100 VXM M75 bên trong trát VXM M75, đáy rãnh láng vữa VXM M75; Nắp rãnh sử dụng tấm đan BTCT M250 đá 1x2.

+ Ga cống hộp 2x(B1000 x H1000): Móng ga, thân ga, tấm đan ga đổ bê tông cốt thép M250 đá 1x2, đặt trên nền lớp đệm móng BTXM M150; Khung và nắp ga bằng composite tải trọng 125kN. Khu vực nền đất yếu, đáy mương gia cố cọc tre D6-8CM chiều dài 1,5m/cọc mật độ 16 cọc/$m^2$.

+ Cống BTCT sử dụng loại cống đúc sẵn.

+ Cửa xả D600 sử dụng BTXM M150 đá 2x4 đặt trên lớp đệm đá dăm 1x2cm.

+ Cửa xả cống hộp 2x(B1000 x H1000) sử dụng BTXM M150 đá 2x4 đặt trên lớp đệm đá dăm 1x2. Khu vực nền đất, đáy mương yếu gia cố cọc tre D6-8CM chiều dài 1,5m/cọc mật độ 16 cọc/m2

* Hệ thống chiếu sáng, có guồn cấp từ hệ thống các cột đèn được cấp nguồn từ nguồn điện năng lượng mặt trời. Cột đèn sử dụng loại cột thép bát giác mạ kẽm nhúng nóng, cao H=8m, đèn chiếu sáng được bố trí 1 bên trên vỉa hè với khoảng cách trung bình 30m/cột. Cột đèn, sử dụng cột thép rời cần đơn cao 8m, lắp bộ đèn led công suất 100W. Dây lên đèn: Sử dụng dây Cu/PVC/PVC 3x1,5 mm2. Tại mỗi vị trí móng cột trên hệ thống chiếu sáng được đóng 01 cọc tiếp địa bằng thép góc L63x63x6 dài 2,5m mạ kẽm, có râu tai bắt làm tiếp địa an toàn, đóng sâu dưới mặt đất tự nhiên 0,7m.

***b) Phần các công trình trên Hạ tầng kỹ thuật như Cây Hương, Nhà quản trang, Nhà hoá vàng, Cổng, tường rào, sân bê tông,...***

* Cây Hương: Có diện tích khoảng S=30m2, chiều cao nền 0,45m so với cốt sân, tổng chiều cao nhà H=5,55m. Nhà thiết kế khung BTCT mác M250, mái đổ BTCT mác M250 dán ngói mầu đỏ, tường xây gạch đặc XM mác M100 vữa XM-C mác 75, trát tường, trần vữa XM-C mác 75 dày 15mm, nền lát gạch KT 400x400mm, bậc tam cấp ốp gạch mầu đỏ. Công trình sơn 3 nước 1 nước lót 2 nước mầu và được đầu tư điện đồng bộ.

* Nhà quản trang: Có diện tích khoảng S=36m2, chiều cao nền 0,15m so với cốt sân, tổng chiều cao nhà H=5,25m. Nhà thiết kế khung BTCT mác M250, mái đổ BTCT mác M250 dán ngói mầu đỏ, tường xây gạch đặc XM mác M100 vữa XM-C mác 75, trát tường, trần vữa XM-C mác 75 dày 15, nền lát gạch KT 400x400mm. Công trình sơn 3 nước 1 nước lót 2 nước mầu và được đầu tư điện đồng bộ.

* Nhà hoá vàng: Có diện tích khoảng S=23.25m2, tổng chiều cao nhà H=4,37m. Nhà thiết kế khung BTCT mác M250, mái đổ BTCT mác M250, dán ngói mũi hài mầu đỏ trên, tường xây gạch chịu lửa vữa XM-C mác 75, trang trí đao rồng và chi tiết bằng bê tông và vữa XM, nền lát gạch chịu lửa, xung quanh nhà hoá vàng được lát đá xanh KT 300x300x50mm.

* Cổng, hàng rào:

- Cổng: Xây trụ gạch XM mác M100 vữa XM-C mác 75, cốt thép I 120, trát tường, trang trí vữa XM-C mác 75, trang trí con phượng đắp vữa XM cốt sợi thép gia cường chống nứt, trụ cổng được quét vôi ve 3 nước.

- Hàng rào: Hàng rào xây gạch XM mác M100 vữa XM-C mác 75, trát tường vữa XM-C mác 75 dày 15, tường rào sơn 3 nước 1 nước lót 2 nước mầu.

* Sân bê tông: Sân khu vực quanh Cây Hương lát gạch đỏ KT 400x400 lót vữa XM-C mác 75 dày 20mm, nền sân bê tông đá 2x4cm mác M200 dày 10cm có lớp nilong chống mất nước xi măng.

**9. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng**

- Số bước thiết kế: Một bước thiết kế kinh tế kỹ thuật.

- Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

| STT | Tiêu chuẩn | Mã hiệu |
|---|---|---|
| **I** | ***Khảo sát địa hình và thủy văn*** | |
| 1 | Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát | TCCS31:2020/TCĐBVN |
| 2 | Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu | TCCS41:2022/TCĐBVN |
| 3 | Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản | TCVN 4419:1987 |
| 4 | Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình | TCVN 9401 :2012 |
| 5 | Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao | QCVN 11 : 2008/BTNMT |
| 6 | Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu mặt đường bằng cần đo võng Benkelman | TCVN 8867:2011 |
| **II** | ***Khảo sát địa chất*** | |
| 1 | Tiêu chuẩn khoan thăm dò địa chất công trình | TCVN 9437:2012 |
| 2 | Đất xây dựng-Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu | TCVN 2683:2012 |
| 3 | Yêu cầu bảo quản mẫu lõi khoan trong công tác khảo sát địa chất công trình | TCVN 9140:2012 |
| 4 | Phương pháp thí nghiệm hiện trường thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT) | TCVN 9351:2012 |
| 5 | Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường | TCVN10184:2021 |
| 6 | Đất xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm | TCVN 4195:2012 |

| STT | Tiêu chuẩn | Mã hiệu |
|---|---|---|
| 7 | Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm | TCVN 4196:2012 |
| 8 | Đất xây dựng - Phương pháp xác định giới hạn chất dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm | TCVN 4197:2012 |
| 9 | Đất xây dựng - Các phương pháp xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm | TCVN 4198:2014 |
| 10 | Đất xây dựng - Phương pháp xác định tính chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng | TCVN 4199:1995 |
| 11 | Đất xây dựng - Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm | TCVN 4200:2012 |
| 12 | Đất xây dựng - Các phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm | TCVN 4202:2012 |
| 13 | Phương pháp xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm | TCVN 8721:2012 |
| 14 | Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời trong phòng thí nghiệm | TCVN 8724:2012 |
| 15 | Thí nghiệm nén một trục nở hông | ASTM D2166 |
| 16 | Thí nghiệm nén 3 trục sơ đồ UU, CU | TCVN 8868:2011 |
| 17 | Đất, đá xây dựng - Phân loại | TCVN 5746:2024 |
| 18 | Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất | TCVN 9153:2012 |
| 19 | Thí nghiệm nén đá | TCVN10324:2014 |
| 20 | Yêu cầu kỹ thuật của cốt liệu cho bê tông và vữa | TCVN 7570:2006 |
| 21 | Phương pháp thử cốt liệu cho bê tông và vữa | TCVN 7572-1:2006 |
| 22 | Cấp phối hạt cho đường và cầu | AASHTO M43 |
| 23 | Phân tích thành phần cấp phối hạt từ mịn đến thô | AASHTO T27-06 |
| 24 | Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nèn PROCTOR | TCVN12790:2020 |
| 25 | Thí nghiệm thấm đất (cột nước không đổi) | AASHTO T215 |
| 26 | Xác định hàm lượng bụi, sét (hạt <0.075mm) | AASHTO-T11-2005 |

| STT | Tiêu chuẩn | Mã hiệu |
|---|---|---|
| 27 | Mô đun đàn hồi của vật liệu (E0) | TCCS38:2022/TCĐBVN |
| 28 | Phân loại đất và hỗn hợp cấp phối đất cho mục đích xây dựng đường ô tô | AASHTO M145 |
| 29 | Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ công trình trong môi trường xâm thực | TCVN12041:2017 |
| **III** | ***Tiêu chuẩn thiết kế đường*** | |
| 1 | Quy chuẩn quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật | QCVN 07:2023/BXD |
| 2 | Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế | TCVN 4054-2005 |
| 3 | Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế | TCVN 13592:2022 |
| 4 | Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế | TCCS38:2022/TCĐBVN |
| 5 | Quy trình thiết kế, xử lý đất yếu bằng bấc thấm trong xây dựng nền đường | TCVN9355:2012 |
| 6 | Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông | TCCS39:2022/TCĐBVN |
| 7 | Gia cố nền - Phương pháp trụ đất xi măng | TCVN 9403:2012 |
| 8 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ | QCVN 41:2024 / BGTVT |
| 9 | Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ | TCVN 7887 :2018 |
| 10 | Quy phạm tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế | QPTL C6-77 |
| **IV** | ***Tiêu chuẩn thiết kế cầu và công trình*** | |
| 1 | Tiêu chuẩn thiết kế cầu | TCVN11823:2017 |
| 2 | Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 2737-2023 |
| 3 | Công trình giao thông trong vùng động đất - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 9386-2012 |
| 4 | Thiết kế công trình chịu động đất | TCVN 9386-1:2012<br>TCVN 9386-2:2012 |
| 6 | Quy trình thiết kế công trình phụ trợ thi,công cầu | TCVN 12885:2020 |
| 7 | Phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa | TCVN 5664-2009 |

| STT | Tiêu chuẩn | Mã hiệu |
|---|---|---|
| 8 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam | QCVN 39:2011/BGTVT |
| 9 | Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị | QCVN 07:2023/BXD |
| 10 | Công trình thủy lợi - Cọc xi măng đất thi công theo phương pháp Jet - Grouting | TCVN 9906:2013 |
| 11 | Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu các điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng | QCVN 02:2022/BXD |
| **V** | ***Phần điện và chiếu sáng đô thị*** | |
| 1 | Quy phạm trang bị điện | 11 TCN-18-2006<br>11 TCN-19-2006<br>11 TCN-20-2006<br>11 TCN-217-2006 |
| 2 | Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị | QCVN 07.7 :2023/ BXD |
| 3 | Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo, đường, đường phố, quảng trường đô thị | TCXDVN 259 :2001 |
| 4 | Qui phạm nối đất nối không các thiết bị điện. | TCVN 9358:2012 |
| 5 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện | QCVN 01:2020/BCT |
| **VI** | ***Phần cấp, thoát nước*** | |
| 1 | Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 13606:2023 |
| 2 | Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 4513:1988 |
| 3 | Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế | TCXDVN 7957:2023 |
| 4 | Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế | TCXDVN 4474: 1987 |
| **VII** | ***Thiết kế cảnh quan*** | |
| 1 | Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 9257:2012 |
| 2 | Định mức dự toán duy trì cây xanh đô thị | 14/2007/QĐ-BXD |
| **VIII** | ***Các tiêu chuẩn khác*** | |
| 1 | Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình | QCVN 06:2023/BXD |
| 2 | Phòng cháy chữa cháy | TCVN 3890:2023 |

- QCVN 01:2021/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- QCVN 07-4:2023/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình giao thông;

- QCVN 10:2024/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng;

- Quy chuẩn QCVN 03:2022/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng.

- Quy chuẩn 05: 2008/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà ở và công trình công cộng. An toàn sinh mạng và sức khỏe.

- Quy chuẩn 06: 2022/BXD. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- Quy chuẩn QCVN 07-10:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ;

- TCVN 4319:2012. Nhà và công trình công cộng - nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- Tiêu chuẩn TCVN 13592:2022. Đường đô thị - yêu cầu thiết kế.

- TCVN 2737:2023: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9386-1:2012: Thiết kế công trình chịu động đất - Phần 1: Quy định.

- TCVN 9386-2:2012: Thiết kế công trình chịu động đất - Phần 2: Nền móng, tường chắn và các vấn đề địa kỹ thuật;

- TCVN 5574:2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5575:2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9362:2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 10304:2014: Móng cọc, tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5573:2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9393:2012: Cọc - Phương pháp thử nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục;

- Các tiêu chuẩn chuyên ngành khác có liên quan.

**10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 28.055.951.000 đồng** *(Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi mốt nghìn đồng.)*, trong đó:

- Chi GPMB: 11.109.150.000 đồng.
- Chi xây dựng: 14.333.333.000 đồng.
- Chi phí QLDA: 362.705.000 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 1.280.144.000 đồng.
- Chi phí khác: 160.942.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 809.677.000 đồng.

**11. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2026-2030.

**12. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách thành phố hỗ trợ, ngân sách phường và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

**13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Chủ đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng hiện hành.

**Điều 2.** Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn nhà thầu, tổ chức ký kết hợp đồng kinh tế, giám sát chất lượng, tiến độ công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt.

**Điều 3**. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Ban Quản lý dự án xây dựng Lương Tài và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Trí**